

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 323/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 11 - 2023

V/v ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoàng Dân và ông Nguyễn Tiến Bộ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở TAND huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc kiện ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXX - ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐST - DS ngày 27/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2000

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990

Đều có HKTT: Xóm 13, thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội.

Chị M có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và những buổi làm việc tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn vào ngày 09/01/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm lối sống khác nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh N không quan tâm đến gia đình, nên tháng 8 năm 2022 Chị M bỏ anh N về quê ở thôn Cấn Hạ, xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội ở và ly thân từ đó cho đến nay không còn quan hệ gì. Nhận thấy tình cảm không còn, hạnh phúc không có, Chị M đề nghị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/02/2017, cháu Nguyễn An B, sinh ngày 03/02/2020; hiện nay cháu B đang ở với Chị M, còn cháu T đang ở với anh N. Ly hôn Chị M xin được nuôi

cháu B và đồng ý để cho anh N nuôi cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về công nợ: Không nợ lẫn gì ai.

Về phía anh Nguyễn Văn N:

Quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa làm việc, nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đồng Tâm và làm việc với bà Trịnh Thị H (là mẹ đẻ anh N). Qua xác minh cho thấy anh N vẫn có hộ khẩu thường trú và trú tại xóm 13, thôn Đ, xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án đã nhờ mẹ đẻ anh N là bà Trịnh Thị H tổng đạt giúp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, phía bà Trịnh Thị H (là mẹ đẻ anh N) cũng khẳng định đã liên hệ và thông báo lại cho anh N nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết ly hôn nhưng anh N cố tình không đến Tòa làm việc, nên không rõ quan điểm của anh N.

Đại diện VKSND huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho Chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn An B, sinh ngày 03/02/2020; giao anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/02/2017; tạm hoãn việc góp phí tổn nuôi con cho Chị M, anh N đến khi Chị M, anh N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và không xem xét quan hệ tài sản chung vợ chồng do Chị M không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Mặc dù vào thời điểm Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N vẫn có mặt tại nơi cư trú, nhưng không đến Tòa làm việc; quá trình Tòa án thu thập chứng cứ thông qua UBND xã Đồng Tâm và làm việc với bà Trịnh Thị H (là mẹ đẻ anh N), cho thấy anh N vẫn cư trú tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần giao các văn bản tố tụng cho anh N thông qua mẹ đẻ anh N là bà Hằng, bà Hằng cũng khẳng định đã thông báo lại cho anh N các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không thấy anh N đến Tòa làm việc, nên bị coi là trường hợp bị đơn cố tình không đến Tòa làm việc; vì vậy, không cần sự có mặt của anh N; Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N, tuy là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội, thời gian chung sống hạnh phúc ngắn, sau đó cả hai không chung sống với nhau nữa, ly thân đã nhiều năm nay là một bằng chứng nói lên quan hệ hôn nhân giữa Chị M và anh N tuy không rõ nguyên nhân từ đâu, song đã ẩn chứa những mâu thuẫn, bất đồng hết sức nghiêm trọng.

Do thời gian ly thân đã lâu, mọi níu kéo trở nên vô vọng, tình cảm vợ chồng không còn, phía Chị M quyết định xin ly hôn anh N. Quá trình tố tụng, việc anh N cố tình không chịu đến tòa làm việc không chỉ thể hiện thái độ không tôn trọng cơ quan tố tụng mà ở một góc độ khác còn thể hiện ý thức không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng, hơn nữa tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn ngày 25/8/2023, thì Chị M và anh N đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án ly hôn. Xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cũng xác nhận, mâu thuẫn giữa các bên là không thể hàn gắn và trên thực tế quan hệ hôn nhân thực sự chấm dứt hơn một năm nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị M và anh N đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa. Vì vậy, yêu cầu của Chị M xin ly hôn anh N là có cơ sở, nên áp dụng các quy định tại các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 của BLDS chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho Chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/02/2017, cháu Nguyễn An B, sinh ngày 03/02/2020; hiện nay cháu B đang ở với Chị M, còn cháu T đang ở với anh N. Quá trình giải quyết Chị M nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn An B, tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn, anh N xin được nuôi cháu Nguyễn Thanh T; nên HĐXX giao cháu Nguyễn An B cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thanh T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị M, anh N đến khi Chị M, anh N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Do Chị M không yêu cầu giải quyết; quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa làm việc, nên chưa có đầy đủ căn cứ xác định được tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên phần tài sản, công nợ của vợ chồng, cần tách ra chưa xét trong vụ án này và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn An B, sinh ngày 03/02/2020; giao anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/02/2017. Tạm hoãn việc góp phí tôn nuôi con cho Chị M, anh N đến khi Chị M, anh N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị M, anh N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên thu tạm ứng án phí số AA/2020/0039533 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **Mỹ Đức**. Chị M đã nộp đủ án phí án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Tâm;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lã Phi Hùng